

**TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 09/2017/HSST
Ngày: 31/8/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S -TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyễn

Ông Nguyễn Văn Long

Thư ký Tòa án:

Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân

huyện Đông Sơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên

Ngày 31/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2017/HSST ngày 07/7/2017 đối với bị cáo:

Đỗ Quốc T - sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 180 đường T4, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đỗ Ngọc C và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Hà Thị M và 01 con sinh năm 2014; Nhân thân: Tháng 01 năm 2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2013; tiền sự: Không; tiền án: Tháng 10 năm 2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/5/2017 đến 06/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Lệnh tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Lê Thị H - sinh năm 1961

Địa chỉ: Đội 9, xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đỗ Quốc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 03 tháng 5 năm 2017 Đỗ Quốc T ở số nhà 180 đường T4, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, điều khiển xe mô tô BKS 36H8 - 9567 đi từ hướng huyện Triệu Sơn xuống thành phố Thanh Hóa. Khi đi đến địa phận Đội 9, xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, T phát hiện thấy cửa hàng tạp hóa nhà bà Lê Thị H đang mở cửa. T dừng xe trước quán vào nhà định hỏi mua thuốc lá nhưng không thấy ai đứng bán hàng nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T nhìn thấy chiếc tủ sắt cửa hé mở, T đi vào mở tủ sắt và lấy đi một sấp tiền được buộc bằng dây cao su, một túi nilon màu đen và một túi xách da màu đen. T bỏ sấp tiền vào túi quần hông bên phải, còn túi nilon và túi xách da màu đen T cầm trên tay và đi ra chỗ dựng xe cách đó khoảng 06 mét. Khi T đi ra gần chiếc xe thì lúc này chị Lê Thị D là con gái bà H phát hiện nên chạy theo giằng co giữ T lại, sau đó ông Lê Đình T là chồng bà H chạy từ trong nhà ra giằng co với T. Cùng lúc đó, có chị Nguyễn Thị Thu H bán cửa hàng thuốc tân dược ngay bên cạnh nhà bà H chạy ra hỗ trợ bắt quả tang T cùng tang vật.

Quá trình giằng co tiền, túi xách da màu đen và túi nilon đen văng rơi xuống đất. Số tài sản do T lấy và rơi ra thì chị H nhặt lại, bỏ vào túi da màu đen và giao lại cho gia đình bà H quản lý.

Tại hiện trường gia đình bà Lê Thị H đã giao nộp tài sản mà bị cáo T trộm cắp gồm: Tiền mặt: 1.140.000đ (*Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*); thẻ điện thoại Mobifone và Vinaphone gồm nhiều thẻ mệnh giá khác nhau có tổng trị giá: 2.460.000đ (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ngày 04/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá chiếc túi xách da màu đen mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ có trị giá: 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*).

Giá trị tài sản mà bị cáo Đỗ Quốc T trộm cắp là: 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Ngày 25/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S đã trả lại cho bà Lê Thị H nhận số tài sản đã mất. Ngoài số tài sản đã nhận lại, bà H còn khai mất thêm số tiền 5.000.000đ cùng một tập thẻ điện thoại Viettel có mệnh giá khác nhau tổng trị giá là 2.500.000đ để cùng trong tủ sắt. Tổng số tiền bà H khai mất thêm là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và yêu cầu bị cáo T phải bồi thường lại số tài sản nói trên. Quá trình điều tra không có đủ tài liệu, chứng cứ khẳng định số tài sản bị mất như bà H đã khai. Vì vậy không đủ cơ sở để xử lý đối với Đỗ Quốc T về hành vi trộm cắp số tài sản trên.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36H8 - 9567 thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Ngọc C (bố đẻ bị cáo Đỗ Quốc T). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã xác định việc T lấy xe đi ông C không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại chiếc xe trên cho ông C.

Tại bản cáo trạng số 08/CTr - VKS - KT ngày 05/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Đỗ Quốc T về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện S giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp là 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). Không chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn thiếu là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Quốc T khai nhận: Vào khoảng 17 giờ ngày 03/5/2017 Đỗ Quốc T lợi dụng sơ hở khi quán nhà bà Lê Thị H không có người đứng bán hàng, T đã lén lút vào nhà bà H mở cửa tủ sắt lấy trộm số tiền 1.140.000đ; một túi nilon màu đen đựng thẻ điện thoại Mobifone và Vinaphone gồm nhiều mệnh giá khác nhau có giá trị 2.460.000đ và 01 túi xách da màu đen trị giá 100.000đ. Hiện tại bị hại đã nhận 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*)

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bà H còn nại mất thêm tổng số tiền là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó có 5.000.000đ tiền mặt và 2.500.000đ tiền mệnh giá thẻ Viettel nhưng Viện kiểm sát không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản của bà H gồm thẻ điện thoại bà H để trong túi da, túi nilon màu đen và một sấp tiền trong tủ sắt. Bị cáo đã lấy toàn bộ tiền, túi da và túi nilon màu đen. Sau khi lấy được bị cáo đang ra ngoài để tẩu thoát thì bị người nhà phát hiện hô hoán và hai bên giằng co nhau. Bị cáo đã vứt túi da và túi nilon màu đen văng ra ra khỏi chỗ hai bên giằng co 05 mét nên tiền và thẻ điện thoại đã văng ra ngoài. Một số người cũng đã nhặt được và gom lại đưa cho gia đình bị hại. Do đó tổng số tiền là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó có 5.000.000đ tiền mặt và 2.500.000đ tiền mệnh giá thẻ Viettel buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là phù hợp.

Như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà Lê Thị H là 11.200.000đ.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: “ Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất của vụ án: Với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân mà không phải bỏ sức lao động. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị H một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an trong xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Đỗ Quốc T có tuổi đời còn trẻ, đã nhiều lần bị xét xử, nhưng không chịu lao động, rèn luyện bản thân, tu dưỡng đạo đức để trở thành con người lương thiện mà lao vào con đường phạm tội.

Ngày 30/01/2013 bị cáo T bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, năm 2014 bị cáo lại tiếp tục phạm tội: “ Trộm cắp tài sản” với giá trị trộm cắp là 1.132.000đ và bị xử phạt 09 tháng tù, nên lần phạm tội năm 2014 bị cáo T phải chịu tình tiết định tội. Ngày 05/12/2013 bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt của bản án ngày 30/01/2013 và ngày 12/5/2015 chấp hành xong hình phạt của bản án ngày 30/10/2014. Như vậy trong vụ án này bị cáo T phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án trước (Bản án ngày 30/10/2014) là trường hợp tái phạm, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS. Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi xem xét hình phạt đối với bị cáo cũng cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận tài sản do bị cáo trộm cắp là 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại khoản tiền còn thiếu là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36 H8 - 9567 quá trình điều tra chứng minh Đỗ Quốc T lấy xe đi và dùng vào việc trộm cắp tài sản ông Đỗ Ngọc C không biết. Ngày 11/5/2017 Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là ông C, ông C không có yêu cầu gì nên không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Quốc T phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Quốc T 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 03/5/2017 đến 06/5/2017).

Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bà H số tiền còn thiếu là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Quốc T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 375.000đ án phí DSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đào Thị Thu Thủy